

LÊ TẮC

AN
NAM
CHÍ
LƯỢC

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY



LÊ TẮC

AN NAM CHÍ LƯỢC

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

LỜI NÓI ĐẦU

Từ lâu, giới nghiên cứu học thuật ở nước ta và ở cả nhiều nước trên thế giới đã biết đến bộ sách An Nam chí lược. Đặc biệt ở Trung Quốc, bộ sách này được công nhận là tài liệu của Nhà nước và cũng từng được Tú khố toàn thư giới thiệu và xuất bản nhiều lần ở Thượng Hải, Bắc Kinh, Thiểm Tây... An Nam chí lược trong vài thế kỷ nay cũng được dịch, xuất bản, giới thiệu tại các nước Nhật Bản, Anh và Pháp.

Tại Việt Nam ta, từ trước đến nay, nhiều nhà nghiên cứu tuy có sử dụng, khai thác các sử liệu trong An Nam chí lược, coi đó như những cứ liệu thành văn đáng tin cậy, phản ánh một chặng dài lịch sử từ thế kỷ XIV trở về trước.

Nội dung sự thực lịch sử nước ta chứa đựng trong bộ sách này thật đa dạng và phong phú. An Nam chí lược là một nguồn tư liệu quan trọng, một phương pháp biên soạn lịch sử đáng được ghi nhận, tham khảo, nó bổ sung nội dung và phương pháp cho những bộ lịch sử Đại Việt của các tác giả khác (không nhiều lắm) viết lúc đương thời.

Thật đáng tiếc! Tuy có biết đến An Nam chí lược, nhưng suốt từ khi nó được biên soạn, ấn hành tại Trung Quốc cho đến đầu thế kỷ XX, hầu như không ai muốn nhắc nhở gì đến nó (!), chắc là "bởi vì tư cách của soạn giả (Lê Tắc) khiến người ta đã không dành cho nó một vài lời khuyến miễn, dù là sách có giá trị đến mức nào".

Mãi đến năm 1960, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam của Viện Đại học Huế, do Giáo sư Trần Kinh Hòa làm cố vấn trực tiếp chỉ đạo để biên dịch, khảo đính và đã hoàn thành "bản phiên dịch Việt văn". Đây là một công trình dịch thuật có giá trị khoa học, và lần đầu tiên An Nam chí lược được nhiều người, nhất là những người không có điều kiện tiếp cận nguyên bản Hán văn, trân trọng đón nhận, coi là một tài liệu tham khảo quý hiếm.

Nhận thấy bản dịch An Nam chí lược này vẫn đáng được lưu giữ, phổ biến cho bạn đọc và các nhà nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn của nước ta, Nhà xuất bản Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây đã nhờ chuyên gia Hán học khảo đính lại, bổ sung phần chú thích, sửa chữa một số ngôn từ, thuật ngữ chuyên ngành để sát đúng với tính lịch sử của nguyên tác.

Chúng tôi cũng xin ghi nhận thêm rằng, GS.TS Sử học Chương Thâu từ năm 1989, trong đợt "thỉnh giảng" tại trường Đại học Keio ở Tokyo (Nhật Bản), đã có dịp trực tiếp trao đổi ý kiến với Giáo sư Trần Kinh Hòa về tác phẩm An Nam chí lược. Ngày đó, Giáo sư Trần đã hân hoan tặng Giáo sư Chương Thâu các bản gốc và bản dịch An Nam chí lược có tại "tàng thư" của mình. Giáo sư Trần Kinh Hòa tỏ ý hoan nghênh nếu An Nam chí lược được tái bản và nói lời hào ý: "Các bạn Việt Nam có **toàn quyền** sử dụng bản dịch An Nam chí lược (bản in 1960) gia công biên tập lại để xuất bản mà khỏi phải bận tâm gì về vấn đề "tác quyền".

Nhân dịp tái bản An Nam chí lược, chúng tôi cũng được Giáo sư Chương Thâu viết cho Lời giới thiệu nói kỹ hơn về "Sách An Nam chí lược và tác giả của nó" để bạn đọc tiện theo dõi nội dung.

Xin cảm ơn cố Giáo sư Trần Kinh Hòa, các chuyên gia Hán học và Giáo sư Chương Thâu đã góp phần hoàn thiện bộ sách An Nam chí lược được tái bản lần này.

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

SÁCH AN NAM CHÍ LƯỢC VÀ TÁC GIẢ CỦA NÓ

Điều đặc biệt đầu tiên để nhận thấy là cuốn sách này kể từ đầu thế kỷ XIV, đã được nhiều người đề *Tựa* và *Giới thiệu*. Lời của tác giả (Tự tự) viết vào năm 1333, nhưng trước đó (khoảng từ 1307) đã có lời tựa của các danh nhân ở thời Nguyên như: Bạch Vân Lão Nhân Sát Hãn, Trình Cự Phu, Nguyên Minh Thiện, Triệu Thu v.v... (và nhiều nữa). Có lẽ trong quá trình hoàn thiện bản thảo bộ sách của mình, Lê Tắc đã đưa cho nhiều người đọc, người nào cũng ghi chép ý nghĩ và nhận xét về *An Nam chí lược*. Sau đó tác giả mới viết lại lần cuối cùng. Bộ sách này được công nhận là tài liệu của Nhà nước, nên cũng có *Lời giới thiệu của Tú khố toàn thư*. Năm thế kỷ sau, lại có thêm vài lời *Tựa*, *Bạt* ca ngợi của Phục Ông (1812) tức Hoàng Phi Liệt đời Thanh, rồi được người Nhật là Kishi Ginko (Ngạn Ngâm Hương) cho in lại ở Tokyo (Đông Kinh), do nhà Lạc Thiện Đường của ông xuất bản (1884). Như vậy là tổng số các bài *Tựa*, *Bạt* có đến gần 20 bài! Cho đến thế kỷ XX, sách *An Nam chí lược* lại được tiếp tục sao chép khá nhiều lần nữa. Nhà học giả nổi tiếng người Trung Hoa, giáo sư Trần Kinh Hoà là người từng làm cố vấn cho Uỷ ban phiên dịch sử liệu Việt Nam tại Viện Đại học Huế "dịch *An Nam chí lược* ra Việt văn và đồng thời làm một bản hiệu bản để xuất bản" năm 1961, đã viết một bài nghiên cứu công phu với tựa đề "*Soạn niên, tài liệu và truyền bản của An Nam chí lược*". Qua đó, ta còn thấy sách còn được sao lại cả bên Anh, bên Pháp. Bài của Trần Kinh Hoà cũng được in ngay ở những trang đầu của bản dịch tiếng Việt. Một tác phẩm như thế, rõ ràng là đòi hỏi sự quan tâm của chúng ta, nhất là đối với giới nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn.

Thực ra, ở Việt Nam, từ lâu, người ta có biết đến *An Nam chí lược*, nhưng suốt từ đầu đến thế kỷ XIX, hầu như không ai muốn nhắc nhở gì đến nó. Những sách của Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, những bộ sử lớn của các triều đại Lê, Nguyễn có đi đến tên, song không ai có một lời nhận xét, đánh giá nào. Khi nghiên cứu, đối chiếu chắc người ta có sử dụng *An Nam chí lược*, nhưng không chừa

xuất xứ. Sách dù có mà xem như không. Chắc vì tư cách của soạn giả, khiến người ta không thể dành cho một vài lời khuyến miên, dù là sách có giá trị đến mức nào. Vào khoảng đầu năm 1939, người bàn đến *An Nam chí lược* một cách nghiêm khắc và gay gắt hơn cả là Trần Thanh Mại. Ông nêu hẳn trên tạp chí *Tao Đàn* số 3 ngày 1-4-1939 cái đầu dễ thoá mạ "*Một nhà viết sử bán nước, một quyển sử nhục nhơ*". Huỳnh Thúc Kháng cũng tán thành cách đánh giá của Trần Thanh Mại (tuy giữa hai người có sự trao đổi ý kiến, nhưng không khác nhau về sự hạ giá *An Nam chí lược*). Rải rác cũng có vài ý kiến nường nhẹ hơn. Có người nghĩ rằng Lê Tắc trong thân phận một kẻ hàng thần, đành phải nói theo lập trường của quân xâm lược. Nhưng như thế mới có cơ hội mà ghi lại những thành tựu của quê hương xứ sở mình (ý kiến của Nguyễn Trọng Thuật). Cách hồi hộ này đã không được giới nghiên cứu Việt Nam đồng tình và Lê Tắc cũng như *An Nam chí lược* vẫn cứ bị xem rẻ.

Đến năm 1961, khi bản dịch tiếng Việt của Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam thuộc Viện Đại học Huế được "trình làng", Viện trưởng Cao Văn Luận trong *Lời giới thiệu* đã phải nói rõ: "Chỉ xem sách này là một bộ sử liệu, là một đối tượng cho cuộc nghiên cứu sử học thuần túy" chứ "không phải có chút đỉnh nào dung thứ những hành động và quan niệm sai lầm của soạn giả đối với Tổ quốc". Ông nói rõ hơn: "Lê Tắc quên mình là người Việt, dựa vào lập trường và quan điểm người Nguyên để soạn tập. Chẳng hạn như những lời nịnh nọt a dua của soạn giả, những đoạn văn kiêu ngạo, tự tôn tự đại trình bày trong các chiếu chỉ nhà Nguyên và trong các bài tựa các danh nhân hồi ấy, đều khiến chúng ta vô cùng uất ức và đau đớn".

Song thực tế thì có một hiện tượng khá quan trọng là tập sách *An Nam chí lược* này rất được người nước ngoài quan tâm. So với nhiều cuốn sử (hoặc tài liệu sử) của nước ta, *An Nam chí lược* đã chính thức được đưa vào bộ *Tứ khố toàn thư* của Trung Quốc. Nhiều người đã cho sao đi chép lại trong cả một thời gian dài. Nó cũng được những người nghiên cứu (hoặc làm tư liệu) ở các nước Anh, Pháp, Nhật thu thập, giới thiệu. Nhiều học giả, nhất là học giả Pháp đã chú ý nghiên cứu lai lịch, so sánh các dị bản xuất hiện qua các thời gian. Một phần cũng vì hoàn cảnh nước ta trước đây, việc giao lưu không được rộng rãi lắm, sách vở in ra không được biết đến (ngay cả trong nước cũng vậy). Có những cuốn được chú ý đến thì toàn là loại sách chuyên khảo (theo đề tài của văn học, sử học hay địa phương học). Một cuốn *Chi lược* có đủ những thông tin về lịch sử, duyên cách địa lý, nhân vật, thơ ca và cả những mặt về phong tục, tập quán, sản vật v.v... để cho người đọc có một ý niệm rõ ràng

về đất nước An Nam (Việt Nam) quả là cần thiết. Lê Tắc đã thoả mãn được yêu cầu đó, nên cuốn sách này mới được chú ý.

Ngoài những bản lưu hành ở Trung Quốc, ta còn biết là ở Anh, tại Viện bảo tàng British Museum còn giữ được bản viết tay từ năm 1750. Ở Nhật Bản có bản của Kishi Ginko (đã nói ở trên) được xuất bản tại Thượng Hải năm 1884. Ở Pháp lại có bản dịch tiếng Pháp lấy tựa đề là *Mémoires sur l'Annam* của Camille Sainson xuất bản tại Bắc Kinh năm 1896. Ít có những cuốn chí lược được chú ý như thế. Ai đọc cũng biết tác giả là một kẻ đầu hàng, vì chính người viết đã tự nhận, nên họ sẽ không bàn khoản gì về lập trường quan điểm, mà chỉ cần có những thông tin về đất nước An Nam này trước thế kỷ XV mà thôi. Có những thông tin bị xuyên tạc, nhưng có thể có nhiều thông tin khách quan dù người viết có tư tưởng phản động hay lạc hậu đến đâu cũng không xuyên tạc được. Sự tồn tại của *An Nam chí lược* có lẽ là ở đó.

*
* *
*

Tiểu sử của Lê Tắc, dù do tự Lê Tắc viết ra, hiện nay vẫn chưa có cứ liệu đầy đủ. Không rõ ông sinh năm nào, mất năm nào, quê hương bản quán cũng chưa có điều kiện xác minh. Chỉ được biết ông vốn người họ Nguyễn, dòng dõi của Nguyễn Phu (dời Đông Tấn, Trung Quốc), các đời cụ, ông, cha đều ở Ái Châu và làm quan dưới triều Lý, triều Trần. Lê Tắc được làm con nuôi ông Lê Bồng, nên đổi thành họ Lê. Vợ là con gái của Trương Xán ở Chư Vệ (thuộc Ái Châu nhưng không rõ là vùng nào, huyện nào. Lê Bồng cũng là người Chư Vệ, không rõ hành trạng). Khi bị đuổi chạy sang Trung Quốc thì vợ con thất tán (không ai nhớ đến), Lê phải lấy một người vợ khác là con gái Trần Ích Tắc, làm con nuôi của Trần Văn Lượng (cũng hàng phục nhà Nguyên), không biết có con cháu không.

Theo lời tự kể thì lúc bé, Lê Tắc học rất giỏi, mới chín tuổi đã thi khoa Thần đồng, nhưng lại không nói có đỗ đạt gì không. Được gọi vào hầu cận Trần Thái Tông (Trần Cảnh), rồi làm quan đến Thị lang, được chuyển sang giúp việc cho Chương Hiến Hầu Trần Kiện. Năm 1285, giặc Nguyên xâm lược nước ta, Trần Kiện được giao cho chống cự với Toa Đô ở Thanh Hoá, nhưng không chống nổi. Kiện đã đem thủ hạ và quân lính (trong đó có Lê Tắc) đến đầu hàng Thoát Hoan, được tên tướng này cho về ra mắt vua Nguyên. Cả hầy đoàn này đi đến Chi Lăng thì bị quân ta chặn đánh. Trần Kiện phải bỏ mạng. Lê Tắc cố ôm thầy chủ, chạy qua Khâu Ôn (Lạng Sơn) chôn

cất vôi vàng rồi cùng đám tàn quân cố sức chạy thoát sang Trung Quốc. Triều đình nhà Nguyên tìm cách vỗ về bọn vong mệnh này, chọn Trần Ích Tắc phong làm An Nam Quốc vương, bọn thủ hạ cũng cho chức tước để an ủi. Lê Tắc được phong làm Thị lang.

Vua nhà Nguyên cho binh lính hộ tống Trần Ích Tắc về nước để lấy danh nghĩa mà lật đổ Trần Nhân Tông. Nhưng bọn Việt gian này lại cũng bị quân ta chặn đánh, mỗi tên chạy đi một ngã. Lê Tắc lại cùng với một vài tên tay chân, bèn bạn chạy trốn về Trung Quốc. Từ đó, cả nhóm Trần Ích Tắc đều phải bỏ quê hương làm dân vong quốc. Triều đình nhà Nguyên vẫn phong chức tước, cho làm quan lại bù nhìn. Năm 1292, Tắc được hàm Phụng sự lang, giữ chức đồng Tri châu An Tiêm (có chức danh nhưng không thực sự đến nhiệm sở). Tắc yên phận dưỡng lão, chuyên nghiên cứu sách vở và soạn ra bộ *An Nam chí lược* này. Không biết Tắc kết thúc cuộc đời ra sao. Sách này ở quyển *Mười chín*, đoạn cuối có chép lời tự sự, nhưng lại bị mất đoạn sau, nên lai lịch của Lê Tắc không được đầy đủ.

Không nói đến lập trường dân tộc, Lê Tắc đã đứng về phía địch, đã cùng với bọn Trần Kiện, Trần Ích Tắc là những tên đầu hàng phản bội, chịu sự lên án của lịch sử, ta cũng điếm qua vài nét, xét đến tư cách con người. Có một số điểm rõ ràng, và cũng còn một vài dấu hỏi. Hình như, một mặt thì Lê Tắc là kẻ phản bội nước chủ của mình, nhưng lại rất trung thành với chủ soái. Lê Tắc đi theo Trần Kiện, đến khi lâm nạn đã cố gắng ôm thầy chủ mà chạy. Về Trung Quốc, Lê không tiếc lời ca ngợi Trần Ích Tắc v.v... Theo quan niệm ngày xưa, những ai hy sinh tận tụy với chủ của mình đều được ghi công bất luận người chủ ấy ở về phía nào (như các trường hợp Thiệu Hốt, Dự Nhược). Có thể vì như thế mà những người phía bên kia, đã phần nào để ý đến Lê, cho Lê là người có nghĩa với cá nhân ông chủ! Mặt khác, Lê cũng tỏ ra có tình với bè bạn, với thủ hạ. Khi bỏ chạy cùng với đội quân của Thoát Hoan, Lê cũng bày đường thoát thân cho nhiều người, trong đó có Lê Yên, một người hơn Lê Tắc đến bảy tuổi. Lê Yên đã rất cảm kích, phải gọi Lê Tắc là cha, đem vàng bạc, đồ lễ đến tạ ơn. Lê Tắc còn chơi thân với một người bạn Trung Quốc là Chu Khởi. Người này không có gia quyến, khi mất đã được Lê Tắc mua nghĩa địa để chôn cất. Như vậy thì về phương diện con người, Lê Tắc không hẳn đã là kẻ táng tận lương tâm. Chỉ đáng buồn là những điều khả thủ này không được vận dụng trong tấm tình đất nước.

Những ngày ở đất nước Trung Quốc, Lê Tắc đã tìm cách giao thiệp với nhiều người. Tất nhiên, động cơ cũng chỉ để tự giới thiệu mình và để tìm cách dựa dẫm. Nhưng, trừ những lời động viên khách

sáo, theo phép lịch sự, hoặc theo công thức, những người gặp gỡ Lê, đều phải công nhận Lê là người có học vấn cao, có trình độ văn hoá nhất định. Đặc biệt với bộ *An Nam chí lược* tất nhiên họ đều có ý chứng minh rằng đó là do kết quả của ảnh hưởng giáo dục của Thượng quốc với công lao to lớn v.v..., nhưng họ đều nhất trí so sánh Lê Tắc với những sử gia danh tiếng nhất ở Trung Hoa trước đó. Thậm chí còn quá lời, cho rằng sách này "bổ túc cho sách sử của họ Chức Phương còn đương thiếu sót" v.v... Lại còn nhấn thêm, sách có "những đặc sắc mà các bộ sử của Tư Mã Thiên và Ban Cố chưa từng có".

Còn một điểm nữa, thuộc vào tư cách của Lê Tắc, một số lời ca ngợi trong các bài *Tựa* khiến chúng ta ngạc nhiên. Rõ ràng Lê Tắc là kẻ phản bội nước nhà, di theo phục vụ cho Trần Ích Tắc, và đã được bọn xâm lược cho chức tước, tiền của. Đầu óc địa vị, danh lợi không thể thiếu được ở con người này. Nhưng ở trong một bài *Tựa* lại nói: "Lê không nhận lĩnh chức quan, có ý khinh bạc danh lợi mà ham văn chương" (*Tựa* của Long Nhân Phu). Bài khác lại vẽ ra một Lê Tắc rất thanh cao: "tự túc bằng cách đạm bạc, không ham lợi lộc..., thường đóng cửa viết sách, ngồi nghiêm chỉnh trong cửa sổ nhỏ, trồng trúc bên bờ sông, vun mai trong mây khói... hóng gió, giỡn trăng, ngâm nga thích chí, ngoài thú tiêu khiển với giang sơn, thì không mấy may lo nghĩ và buồn rầu gì nữa" (theo *Tựa* của Lưu Tất Đại). Triệu Thu còn cho rằng: "Lê Tắc tính tình đứng đắn, thật là một bậc thiện sĩ của thiên hạ" (Bài *Tựa* đề năm 1312). Đề cao Lê Tắc như vậy cũng là một kiểu xảo ngôn mà thời song cũng khiến cho người ta ngay lúc đương thời, không biết đâu là thật giả.

*

* *

An Nam chí lược là một bộ sách gồm 20 quyển, nhưng hiện nay (đã khá lâu) không còn đủ. Bài nghiên cứu rất công phu của Giáo sư Trần Kinh Hoà nói rõ: "Trong các truyền bản của *An Nam chí lược*: bản nguyên có 20 quyển, đã thất truyền từ lâu; hiện giờ chỉ còn bản 19 quyển lưu truyền và thông hành. Tuy còn có bản phỏng theo 20 quyển, nhưng kỳ thực bản ấy chỉ lấy bản 19 quyển phân chia thành 20 quyển mà thôi". Nội dung có thể điểm qua như sau:

* Đầu tiên là "Quyển thủ" gồm các bài *Tựa*, bài *Giới thiệu* của nhiều người Trung Quốc và người nước ngoài.

- Các bài *Tựa* không đề năm tháng:

Bạch Vân lão nhân Sát Hãn, Nguyên Minh Thiện, Âu Dương Huyền và *Tứ khố toàn thư*.

- Các bài *Tựa* có đề năm tháng:

Lưu Tất Đại (1306), Trình Cự Phu (1307), Hứa Thiện Thắng (1307), Triệu Thu (1312), Long Nhân Phu (1318), Cao Tông Thị Đường (1322), Hứa Hữu Nhâm (1339), Quả Nguyên Hạ Trấn (1340)...

- Và những *Lời giới thiệu* của các thế kỷ sau:

Phục Ông (1812), Kishi Ginko (người Nhật, sau 1884).

Tiếp đến là nội dung *An Nam chí lược*, gồm:

* *Quyển một*

Có bài *Tổng tự* giới thiệu nước Nam từ thời kỳ Giao Chỉ cho đến đời nhà Trần (sau cuộc chiến tranh với nhà Nguyên). Tiếp đó là các mục nói về các quận ấp lộ phủ châu huyện trong cả nước cho đến địa phận tiếp giáp Chiêm Thành. Rồi đến phần liệt kê các núi sông, các cố tích ở Việt Nam. Cố tích là gồm những đền miếu (miếu Mã Viện, miếu Phù Đổng), tháp (Cổ Châu, Báo Thiên), đài (Cửu Trưng...), đình (Phân Định...). Có chép thêm danh mục các châu quận thuộc An Nam Đô hộ phủ đời Đường (lấy theo bộ *Lịch đại quận huyện địa lý thư*). Cuối cùng có ghi thêm vài phong tục của người Nam: vẽ mình, ăn trâu cau, lễ tiết ở triều đình và trong dân chúng. Có nhắc đến những nhạc khí, đàn trống như trống đồng, các khúc nhạc, khúc ca (dù là sơ lược nhưng đều là những thông tin cần thiết) và cách đo bóng theo mặt trời.

* *Quyển hai*

Có hai phần. *Phần đầu* chép lại các bài *chiếu* của vua nhà Nguyên gửi sang cho vua nhà Trần từ năm 1260 đến năm 1336. Lời chiếu dụ chủ yếu là yêu cầu nước Nam hàng phục, trách cứ việc vua Nam không chịu sang chầu, nói đến cả các vụ xung đột, đổ cho nước Nam phải chịu trách nhiệm. Có cả những bài chiếu phong chức Quốc vương cho bọn Trần Di Ái, Trần Ích Tắc đã đầu hàng. Hai bài chiếu cuối cùng (năm 1324 và 1336) là lời chiếu hoà hoãn, (vì đã bị thua đau) đình chỉ chiến tranh, cho là nước An Nam đời đời trung thành, thật đáng khen ngợi. *Phần hai*, dành để chép lại các thư từ, chiếu chỉ của các thời đại trước: từ bài chiếu của Hán Văn Đế gửi cho Triệu Đà, rồi đến những bài của nhà Tống giao thiệp với các vua Đinh, vua Lê, vua Trần v.v...

* *Quyển ba*

Chép việc các viên sứ giả nhà Nguyên được cử sang nước Nam, lần lượt ghi khá đầy đủ từ chuyến đi của Mạnh Giáp (1261) đến chuyến đi của Trương Lập Đạo (1291). Đặc biệt chuyến đi của viên sứ này được ghi chép tường tận: kể rõ việc đón tiếp, việc đối thoại

giữa sứ Nguyên và vua quan Việt Nam. Thái độ vua Trần rất mềm mỏng, nhưng quan ta có Đinh Cửng Viên ngang nhiên tranh luận với Trương Lập Đạo. Tiếp đến là cuộc di sứ của Lý Hân (1294) có Tiêu Thái Đãng đi theo. Thái Đãng cũng ghi chép lại những kiến văn của mình. Trong tất cả lời lẽ của các sứ thần, Trương Lập Đạo và Tiêu Thái Đãng tỏ ra có thái độ phải chăng hơn cả.

Cuối *Quyển ba* này, tác giả còn ghi thêm một mục là *Tiền triều phụng sứ* kê rất sơ lược các viên sứ giả của các triều đại trước được cử sang Việt Nam. Tuy là sơ sài, nhưng là những cứ liệu có thể tham khảo (vì sử ta không chép kỹ). Đó là:

+ *Đời Hán:*

- Lục Giả được cử sang gặp Triệu Đà, thuyết phục được Triệu Đà xưng thần (không ghi năm tháng).

- Trang Trợ sang Nam Việt, gặp nhà Triệu (139).

- Chung Quân cũng sang nhà Triệu, bị Lữ Gia giết.

- An Quốc Thiếu Quý cũng bị giết với Chung Quân.

- Hàn Thiên Thu đem quân sang cũng chung số phận.

- Cù Lạc là em Cù Thái Hậu, làm phó tướng cho Hàn Thiên Thu đều bị giết.

+ *Đời Tấn:*

- Thạch Sùng (không ghi cụ thể, nhưng ở vào khoảng 265 - 290).

+ *Đời Tống:*

- Cao Bảo Tự sang sứ nhà Đinh, gặp Đinh Liễn (970).

- Lư Tập sang năm 980.

- Trương Tông Quyền cũng sang năm ấy (vào dịp Lê Hoàn lên ngôi).

- Lý Nhược Chuyết và Lý Giác sang gặp Lê Hoàn (985).

- Ngụy Tường sang phong tước cho Lê Hoàn (989).

- Tống Cảo cũng được gặp Lê Hoàn (990). Khi về có viết bài *Hành lục* thuật lại khá rõ ràng tình hình đón tiếp và vài nét về phong tục nước Nam.

- Vương Thế Tắc sang năm 993.

- Lý Kiến Trung sang năm 995.

- Chương Tấn sang diếu vua Lý Thái Tổ mất (1028).

- Lưu Bính (không ghi rõ năm nào, nhưng vào khoảng 1260-1264).

* *Quyển bốn*

Là cuốn chuyên nói về những cuộc chiến tranh giữa nước ta và phong kiến Trung Hoa.

Phần đầu là mục *Chinh thảo vận hướng*, kể những chuyến ra quân của triều Nguyên. Ta đều biết là quân Nguyên lần nào cũng bị thua đau, nhưng người soạn sách này đã cố tình giới thiệu thế nào để cho ra vẻ lúc nào chúng cũng ở thế bề trên. Những trận mà quân Nguyên ào ạt tấn công chiếm được Thăng Long, quân ta phải rút vào Thanh Hoá thì được nhắc đến như những chiến công vang dội. Bọn việt gian chạy ra đầu hàng đều được mô tả như những kẻ thối thời. Những trận quân Nguyên bị thua đều nói nhẹ đi, rằng chỉ là việc lui quân (!) không có viện binh, nên để lương thảo chìm sạch, rồi vì xứ đất nóng nực, ẩm ướt nên phải kéo quân về. Cách tường thuật như thế là để đỡ bề mặt cho Thoát Hoan và triều đình nhà Nguyên. Nhưng cũng có những sự thật không thể giấu giếm được, đành phải chép rõ là "quân (Nguyên) ta kiệt sức bị thua... rồi liều chết để thoát ra khỏi cửa ải" v.v...

Cuối cùng, vẫn theo một luận điệu là An Nam biết hồi và vua Nguyên tha tội cho nước Nam, chiếu lệ thưởng năm cống hiến để giữ thể diện cho Thiên triều.

Phần thứ hai là mục *Tiền triều chinh thảo* kể các cuộc xâm lược nước ta trước thời nhà Nguyên. Kể các chuyện quân Hán đàn áp Lữ Gia, Mã Viện thắng Hai Bà Trưng, Lữ Đại sang dẹp Sĩ Huy cho đến Trần Bá Tiên đánh nhau với Lý Bôn, Dương Tư Miển và Quang Sở Khánh đánh Mai Thúc Loan, Cao Biền đánh Nam Chiếu. Những người nổi dậy ở nước Nam đều bị gọi là quân phản nghịch. Tuy nhiên vẫn không giấu được những chi tiết hải hùng. Gọi Trưng Trắc là người đàn bà Giao Chỉ, đánh cướp được 60 thành, tự lập làm vua. Chiến thắng của Ngô Quyền diệt Hoàng Thao phải nói thẳng không giấu giếm. Lưu Trưng, Giả Thục, Tôn Toàn Hưng đều bị xử tử vì bại trận. Cũng chép cả việc quân Nam đời nhà Lý sang đánh Châu Khâm, Châu Ung, bọn Triệu Tiết, Quách Quỳ bị giáng chức, và ý kiến mâu thuẫn giữa Ngô Sung và Vương An Thạch. Dù cách trình bày có uốn éo thế nào thì cũng cho thấy là quân xâm lược nhà Tống thất bại trước sức mạnh nước Nam, Lê Tắc không thể nói khác đi được.

* Quyển năm

Quyển này toàn chép những *bức thư*. Cũng chia làm hai phần:

- *Phần một*, chép các thư của quan lại nhà Nguyên lấy tư cách là sứ giả hoặc làm nhiệm vụ điều tra, gửi thư cho triều đình nước Nam, phân tích những điều hơn thiệt để khuyên nước Nam không nên ương ngạnh, đừng chống cự lại nhà Nguyên. Đó là thư của Sài Thung, Trương Lập Đạo, Lưu Nhi Bạt Độ và Lưu Hương. Lời lẽ trong những thư này cũng không dám tỏ ra kịch liệt hay trịch thượng.

- *Phần hai*, chép những thư, sớ trong nội bộ các triều đại trước (không gửi cho nước Nam). Đó là những lời các quan lại đời nhà Hán, nhà Tấn, nhà Tống gửi lên cho các vị vua khuyên đừng gây chiến tranh. Riêng có một bài của Vương Vũ Xứng viết cho Tống Thái Tông gửi cho nước ta (Giao Chi) để khoe thế lực Thiên triều, dọa dân ta nếu theo thì được tha tội, chống thì bị đánh phá. Thư này một số quyển sử của nước ta có chép lại.

* *Quyển sáu*

Quyển này ghi chép các bài *biểu* của vua nhà Trần gửi sang nhà Nguyên chúc tụng, hoặc mừng thọ vua Nguyên, hoặc trình bày lý do vì sao không sang châu. Hầu hết đều là lời lẽ khiêm tốn, tỏ ra biết phép tắc, biết thần phục, nhưng vẫn ẩn giấu một ý chí tự cường không chịu khuất. Có các biểu từ năm 1278 đến năm 1330. Tiếp theo đó cũng ghi thêm những bài biểu của Trần Ích Tắc cảm ơn vua Nguyên đã cho ăn gửi năm nhờ. Cuối cùng có phụ thêm bài biểu của Triệu Đà gửi cho vua Hán Văn Đế, biểu của vua Trần xin nhường ngôi cho con và một bài biểu của nước Chiêm Thành (cũng thần phục nhà Nguyên).

* *Quyển bảy*

* *Quyển tám*

* *Quyển chín*

Ba quyển này dành để liệt kê tên họ và sơ lược ghi chú về những viên quan Thứ sử, Thái thú ở các quận Giao Châu, Cửu Chân và Nhật Nam từ đời Hán đến đời Đường và cả thời kỳ Tam Quốc. Đây quả là một tài liệu có giá trị, sách vở ta không chép được. Những tên người được kể ra: quyển bảy có 52 người, quyển tám có 53 người và quyển chín có 52 người. Mỗi người chỉ được nhắc đến trong khoảng vài ba dòng. Có những người có tiếng tăm vì chính tích tốt như Tích Quang, Nhâm Diên thì quá sơ lược. Những bọn tàn ác, tham bạo như Tô Định, Hoàng Cái, Chu Phù, Tiêu Tư, Lý Tượng Cổ, Lý Trác v.v... đều vạch mặt chỉ tên rõ ràng, đúng như dư luận đã lên án. Có một số người tốt thì được trình bày tương đối chi tiết hơn như Giả Tông, Sĩ Nhiếp, Đào Hoàng, Triệu Xương đều được đề cao, đánh giá thoả đáng. Đặc biệt Cao Biền được kể như là một viên tướng giỏi và có chép thêm bài văn bia về kênh Thiên Uy.

Có một điểm đáng chú ý là trong toàn bộ danh sách này có cả Nguyễn Phu là vị triệu tổ của Lê Tắc, nhưng vẫn chép rất sơ sài, chỉ nói là làm Thứ sử năm 353, đánh Lâm Ấp, phá được hơn 15 đồn, ngoài ra không thấy có chi tiết gì thêm nữa.

* *Quyển mười*

Quyển này chép về những quan lại hoặc những học giả Trung Quốc sang làm việc ở nước Nam, rồi sinh cơ lập nghiệp không quay về Trung Quốc nữa. Có cả những người bị lưu đày mà ở lại, hoặc mới bị đày sang thì chết luôn ở nước Nam, tổng số ghi được 35 người. Có một chi tiết cho biết, đời Đường Cao Tông (650 - 683) Vương Phúc Trì làm quan bị đày sang Giao Chi. Con trai ông là nhà thơ Vương Bội qua thăm cha, bị đắm thuyền chết.

* *Quyển mười một*

Từ quyển này, sách *An Nam chí lược* di hẳn vào lịch sử Việt Nam, nhưng không gọi các đời vua là các triều đại mà chỉ gọi là các họ.

Cả quyển mười một, chép các họ Triệu (Triệu Đà), các nhân vật Khúc Hạo, Dương Đình Nghệ, Kiều Công Tiễn, Ngô Quyền cùng các con, rồi đến họ Đinh, họ Lê. Riêng về Lê Hoàn chép rất kỹ, chép cả việc đánh thắng quân Tống. Lê Long Đinh cũng được nhắc đến nhiều, chủ yếu là làm rõ tư tưởng của vua Tống Chân Tông không muốn gây sự với nước Nam, nên thường đòi thu xếp mâu thuẫn sao cho yên ổn.

* *Quyển mười hai*

Lần lượt giới thiệu từ Lý Công Uẩn (tức Lý Thái Tổ) đến Lý Chiêu Hoàng. Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông chỉ được nhắc đến một cách bình thường. Nhưng Lý Nhân Tông lại được chép kỹ cả việc quân Tống bị thua, quân ta vào đánh phá Châu Khâm, Châu Liêm và xâm phạm biên cảnh. Đoạn kết, công nhận là họ Lý "truyền ngôi tám đời hơn 220 năm, khi mất vẫn được tế tự, thực là may mắn biết bao nhiêu!"

* *Quyển mười ba*

Quyển này chép về nhà Trần, từ đời Trần Thừa đến các vua Trần Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, Anh Tông, Minh Tông. Cách trình bày diễn đạt ở các phần này đều có mức độ, chứ không như ở *Quyển bốn*. Tác giả ca ngợi Trần Cảnh là người khoan nhân trung hậu, văn võ toàn tài. Cuộc xâm lược của Thoát Hoan (đời Thánh Tông) tuy nói vua Trần phải chạy trốn, sau lại về tập kích khiến Thoát Hoan phải rút quân về. Cũng có nhắc đến việc Trần Nhân Tông học Phật được giác ngộ.

Cuối *Quyển mười ba*, sách còn ghi thêm chuyện của một số nhân vật đầu hàng nhà Nguyên như Trần Ích Tắc, Trần Tú Viên, Trần Văn Lộng, Trần Kiện và gọi là nhóm "Nội phụ hầu vương". Tất nhiên Lê Tắc phải nhắc đến những người này, đều là số phận hàng thân,

làm tôi kẻ địch. Đê cao cách gì cũng không thể không kết luận là thân quyền của những người này "đều bị quốc dân bắt giết, đau đớn biết chừng nào!"

** Quyển mười bốn*

Quyển này đặc biệt rất dồi dào tư liệu, chứng tỏ tác giả có lưu ý theo dõi nhiều mặt, tuy chỉ là điểm qua, nhưng khá đầy đủ:

- *Việc học tập* đã có những cố gắng khởi đầu từ nhà Triệu đến các thời kỳ Hán, Đường. Nhà Lý đã đặt phép khoa cử, lấy Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Những người thi đậu được cấp áo mũ võng ngựa vinh quy.

- *Về quan chế*, các triều đại đã có tổ chức phân minh, có vương hầu, tể thần, võ soái, văn chức, cận thị quan. Ở các cấp cơ sở, các trang trại có trại chủ, tri châu. Ở hương ấp có quản giáp, đại toát, tiểu toát.

Cũng đã có những phán quan coi sóc việc học; các tăng quan là chức sắc các nhà chùa; đạo quan là chức sắc của các pháp sư.

- *Về áo mũ phẩm phục*, sách ghi khá rõ ràng cách đội mũ kiểu gì, mặc áo màu gì, thắt lưng thế nào v.v... từ vương hầu đến thứ dân. Rõ ràng là đã có lễ nghi hẳn hoi, không khác gì văn minh Trung Quốc.

- *Về hành chính, pháp luật*, sách nói rõ việc xử án, việc nghiêm minh của các quan lại, việc tiêu tiền và mua bán giao dịch v.v... chỉ nhắc qua mà rất rõ ràng đầy đủ.

- *Về binh chế*, cũng tỏ ra có tổ chức. Có loại *thân quân* và *du quân* phân ra thành các *đô* như Thánh dực đô, Thần dực đô (*thân quân*), Thiết lâm đô, Thiết hạm đô (*du quân*), không giải thích rõ ràng, nhưng thuật lại như vậy cũng là đầy đủ chi tiết.

Phần hai của quyển này có tên là *Lịch đại khiển sử*, chép tên tuổi các vị sứ thần nước Nam đã sang tiến cống Trung Quốc. Có ghi đủ sứ thần đời nhà Triệu, nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý. Riêng sứ thần đời Trần được ghi nhiều đoàn hơn. Từ năm 1257 đến năm 1339 có đến 42 đoàn. Mỗi đoàn thường có hai sứ giả cầm đầu, ghi được tên họ cẩn thận. Loại tư liệu này, các sách sử ở nước ta thường ghi chép không đầy đủ lắm.

** Quyển mười lăm*

Quyển này tài liệu khá phong phú. Có thể chia làm hai phần: *nhân vật chí* và *sản vật chí*.

Về *nhân vật chí*, tác giả chia ra:

- *Những người ở trong nước* được Trung Quốc phong cho, sách này ghi năm người là Lữ Gia, Lý Cẩm, Trương Trọng, Đỗ Hoàng Văn, Đỗ Anh Sách.

- Những người làm quan ở bên Trung Quốc, gồm bảy người là Đỗ Viên, Đỗ Tuệ Độ, Đỗ Tuệ Hựu, Lê Hội, Khương Thần Dực, Khương Công Phụ và Khương Công Phục. Trong đó, Khương Công Phụ được chép dài nhất và khẳng định ông "có tài cao, rất được vua Đường Đức Tông kính trọng".

- Những người được gọi là danh nhân gồm chín vị là Liêu Hữu Phương, An Trung Vương, Uy Minh Vương, Lê Phụng Hiếu, Trần Lâm, Trần Toại, Trần Tấn, Lê Tấn, Lê Văn Hưu.

- Những người được gọi là tiết phụ. Chỉ kể có hai người đều không rõ tên của họ, đó là tiết phụ họ Kim và bà Vạn Xuân Phi.

- Những người tu luyện, gồm có sư Viên Chiếu, Không Lộ, Giác Hải, Thảo Đường, Từ Đạo Hạnh, Giới Châu, Hoàn Nguyên.

- Cuối cùng còn ghi thêm một số người bị gọi là bạn nghịch, gồm có: Trưng Trắc, Triệu Âu, Lý Bôn, Dương Thanh và Nùng Trí Cao.

Phần sản vật chi, sách chỉ điểm qua bằng cách nhắc tên, nhưng thực sự là phong phú. Có nhiều loại hiện nay chúng ta chưa thật rõ lai lịch, còn đa số đúng là sản vật quý hiếm của nước Nam: ruộng đất, tầm tang, muối, vàng, bạc, minh châu, san hô, dơn sa, đồi mồi, cây kim nhan, bài hương, hương phụ, giáng chân hương, chì, sắt, thiếc, quế, tử thảo, kha lê lạc, thường sơn, bồ hoàng, a ngù, rau đắng, ý dĩ, gừng, riềng, cao lương cương, hoàng kim, củ nghệ, sừng tê ngưu, sừng vằn tê, tích hàn tê, voi, bò tót, hươu trắng, tiêm thủy ngưu, tinh tinh, đười ươi, trứng kiến v.v...

Sự liệt kê tuy không thành hệ thống và cách giới thiệu cũng rất sơ lược, nhưng chứng tỏ là người ghi chép có hiểu biết về đất nước khá nhiều.

* Quyển mười sáu

Quyển này trình bày không được hệ thống cho lắm. Cũng có hai phần. Phần đầu được gọi là Tạp ký ghi chép nhiều kiến văn không cùng loại mục:

- Phép thi cử cho người Nam dưới thời nhà Đường.
- Chức vụ các quan phiến trấn.
- Công lao của Sĩ Nhiếp và Lưu Bính ghi chép về Giao Châu.
- Việc đặt Sở Thị bạc ở Lĩnh Nam và An Nam không được đưa ra bàn luận.
- Chép thêm bài văn của Liễu Tử Hậu làm cho quan Thị ngự An Nam tế quan Đô hộ họ Trương.
- Tư cách và thái độ của một vài viên quan đời Đường như Trịnh Diên; đời Tống như Hứa Trọng Tuyên và Dương Hựu.

Phần sau của quyển mười sáu là chép lại *thơ để vịnh* của những người Trung Quốc đến đất Giao Châu hoặc giao thiệp với người Giao Châu. Có nhiều người tên tuổi cũng khá quen với văn học ta: Lục Sĩ Hoàn, Thẩm Thuyên Kỳ, Quyển Đức Dư, Bì Nhật Hưu, Hàn Dũ, Hứa Hôn, Lý Sinh, Trương Tịch, Tư Mã và Tăng Uyên Tử.

** Quyển mười bảy*

Quyển này như một tập sưu tầm thơ văn của những người Trung Quốc đời nhà Nguyên được đi sứ nước Nam: có cả những bài của người để tặng các cuộc hành trình, bài làm trong những buổi tiệc tùng, bài gửi bạn bè, bài nói ý chí của cá nhân...

Cả thấy có 36 người được trích chọn thơ trong phần này. Đại khái cũng là những ý chung chung: phải làm tròn trách nhiệm vua ban, đem văn minh Thượng quốc đến nơi xa xôi v.v .. Nhưng cũng có những tác giả có ý kiến riêng rất đáng tôn trọng. Chẳng hạn như bài của Thị lang Lý Tư Diễn ca ngợi phong tục nước Nam:

*Vôi trắng, trâu xanh, cau lại dẻo
Nhà ai hoa bưởi nức thơm đưa.*

(Nguyên văn: Tân lang, nhạc hiệp, hựu xuân lục.
Tống đảo thù gia quật trực hương)

Dưới bài này còn chưa thêm một ý: Hoa bưởi An Nam rất thơm như hoa nhài, Lĩnh Bắc không có thứ hoa ấy.

Hay là bài thơ của Thượng thư Trương Hiến Khanh khẳng định nước Nam có văn hoá riêng cần phải tôn trọng, không được xem thường:

*An Nam tuy nhỏ văn chương thịnh,
Ếch giếng, khuyên đừng chế diễu ngoa.*

(Nguyên văn: An Nam tuy tiểu văn chương tại,
Vị khả khinh đàm tỉnh để oa).

Có một điều phải xem xét thêm là vì sao trong một bài thơ sau đây của học sĩ Lương Tăng lại được lặp lại gần như hoàn toàn nguyên văn hai câu kết của Trương Hiến Khanh. Người này đã lấy lại nguyên văn của người đi trước mình chăng?

Cả hai bài như sau:

Bài của Trương Hiến Khanh:

*Dao vọng thương yên toả mộ hà.
Thị triều nhân viên cách huyền hoa.
Cô hư đình viện vô đa sở,
Thanh mạo viên lâm chỉ nhất gia.*

Nam chú Hùng Tân Thiên Hán thuỷ,
Đông khai cao thọ mộc miên hoa.
An Nam tuy tiểu văn chương tại,
Vị *khả* khinh đàm tỉnh để oa.

Bài của học sĩ Lương Tăng:

Thiết thạch cô trung phụ bạch ma,
Lục triều nhân phẩm, Ngũ hầu gia.
Dĩ toàn Tô Vũ thiên biên tiết.
Hựu đắc Trương Khiên hải ngoại sà.
Thi bút cường lãng đồng trụ nguyệt.
Quy tiên chính cập cảm thành hoa.
An Nam tuy tiểu văn chương tại,
Vị *yếu* khinh đàm tỉnh để oa.

(Hai câu kết ở hai bài chỉ có một chữ sai biệt nhau: *Khả* và *Yếu* - xem bản dịch ở quyển mười chín).

* *Quyển mười tám*

Quyển này lấy tiêu đề là *An Nam danh nhân thi*, chép toàn thơ của danh nhân nước Nam. Tuy nói là danh nhân nước Nam, nhưng chỉ chép thơ của một số vị vua quan nhà Trần giao thiệp với sứ giả Trung Quốc (thơ của Trần Nhân Tông, Trần Minh Tông, Trần Quang Khải v.v...). Tiếp đó là chép lại thơ của những người đầu hàng đang sống ở Trung Quốc. Lê Tắc cũng đưa vào 15 bài thơ của mình. Dùng tên *An Nam danh nhân thi* là hoàn toàn không ổn.

* *Quyển mười chín*

Quyển này chỉ chép có bài *Đổ chi ca* (giới thiệu tổng quát lịch sử nước Nam từ đầu đến cuộc kháng chiến chống Nguyên). Bài này chỉ là tóm tắt các sự kiện lịch sử, viết theo tư cách một kẻ hàng thần, để cao triều Nguyên, không dám nói sự thực. Tác giả còn gọi đây là bài *An Nam phong thổ chí*. Nội dung tầm thường nhưng lời lẽ cũng lưu loát.

Tiếp đó là bài *Tự sự*, Lê Tắc tự kể tiểu sử và hành trạng của mình. Nhưng phần sau bị khuyết, chỉ ghi được đến năm 1293. Sau đó không rõ cuộc đời của Lê Tắc ra sao nữa.

* *Quyển hai mươi*

Không còn. Cũng không thấy ai nhắc gì đến nó, không rõ nội dung ra sao. Cuối quyển mười chín có ghi bài *Bạt* của Phục

Ông (1812) và *Lời căn bịch* của Kishi Ginko (người Nhật) viết năm 1884.

*

* * *

Điều đã rõ ràng là xét về lập trường dân tộc, về tư cách cá nhân soạn giả, dù ta có thái độ rộng rãi, chiếu cố bao nhiêu thì cũng không thể không lên án Lê Tác. Ta có thể thông cảm rằng: một con người di ăn nhờ ở đậu người ta, tất nhiên đối với chủ nhà không thể không nể nang. Chủ lại là vua quan, thì không những chỉ nường nhẹ mà thôi, mà còn phải từng phục. Lê Tác đã là kẻ hàng thần, phải chịu khuôn phép người ngoài, là chuyện tất nhiên không có gì là lạ.

Ta còn phải nhận rằng, khi viết sách này, Lê Tác là một kẻ bị thua, đã phải chịu nhục nhã như cá bè lủ việt gian sang đầu thú. Lê không còn cái hào khí, hùng khí của người nước Nam, mà đã tự đặt mình về phía bên kia. Sự tồn tại của cá nhân Lê Tác không phải nhờ quê hương xứ sở mà là nhờ người. Hiểu vấn đề như thế, ta không phải bận tâm nói dài về lập trường dân tộc.

Tuy nhiên, dù không muốn, dù đã tự tha hoá mình, Lê Tác vẫn cứ là người Việt Nam. Văn minh, văn hoá Việt Nam đã thấm sâu vào con người này, nên vẫn mặc nhiên thúc đẩy cho Lê Tác không thể quên đất nước. Cố gắng làm ngơ hay xuyên tạc những gì là vấn đề thời sự, vấn đề trước mắt, Lê Tác không thể coi thường một thực tế hiển nhiên là nền văn hoá Việt Nam có bản lĩnh, có dấu ấn hằn hoi. Phải công nhận là Lê Tác có một trình độ văn hoá cao (so với lúc bấy giờ) và chính cái trình độ ấy lại bất giác khiến cho Lê Tác phải nhận ra rằng truyền thống An Nam (Việt Nam), phong thổ An Nam là có nhiều đặc sắc. Những điều Lê Tác viết ra, mà người ngoài phải công nhận là hơn cả các sử gia danh tiếng như Tư Mã Thiên, Ban Cố (hơn ở một số phương diện) không phải hoàn toàn do cái tài của Lê Tác, mà do cái vốn văn hoá Việt Nam giàu có, hào hùng. Người nước ngoài phải chú ý đến *An Nam chí lược* chính là ở đó. Bao nhiêu tác giả đi vào con đường văn bản học, hay đi vào sử học, văn học, không ai sử dụng gì đến những gì dụng đến lịch sử Việt Nam (cả về những chi tiết nhỏ) trong bộ sách này, nhưng trân trọng nó là vì có thể tìm được văn hoá Việt Nam ở trong đó. Quả thực, những tài liệu về dân tộc học, về chế độ xã hội, về phép ứng xử của con người (qua những thể thức ngoại giao) và về phong tục ở cơ sở đã có thể cho thấy rõ diện mạo nước Nam từ thế kỷ XIV trở về trước. Điều khả thủ của *An Nam chí lược* chính là ở chỗ đó.

Mặt khác, xét về tư cách làm sử, Lê Tắc cũng tỏ ra có một khả năng sưu tầm tích lũy, hệ thống hoá sử liệu tốt hơn so với nhiều cây bút viết sử ngày xưa. Lê Tắc ghi chép được nhiều sử liệu, nhiều tên tuổi cần thiết cho sự tra khảo của chúng ta ngày nay. Lê Tắc cũng đã đi vào nhiều lĩnh vực mà nhiều cuốn sử, cuốn *chi* ngày trước không đề cập đến. Giá trị *An Nam chí lược* về mặt tư liệu là đáng được khẳng định, dù chỉ là sơ lược, nhưng có được một chi tiết nào đáng gợi ý, cũng phải xem là quý giá rồi.

Về mặt văn chương, văn pháp, cách cấu trúc của *An Nam chí lược* cũng đáng được chú ý. Sắp xếp thế nào để dung lượng sách được phong phú, nói đến người và cũng nói được cả về mình. Những thư từ, chiếu biểu, kể cả thơ ca xướng họa đưa vào, có thể làm rõ được những yêu cầu thể hiện. Và như vậy cũng hợp với thể *chi*, lần đầu tiên xuất hiện ở nước ta (trước Lê Tắc chưa có cuốn nào). Thơ Lê Tắc có một số bài cũng khá suôn sẻ, nhưng tự xếp vào thơ các danh nhân thì cũng có quá lời. Song vẫn có những câu chứng tỏ một nỗi niềm đau khổ:

*Nhìn trăng lữ thú quen quen mặt,
Vắng nhai thiên nhai thúi thúi sầu!*
(Khách lý nguyệt minh thiên thức diện,
Thiên nhai nhai đoạn thiếu tri âm!)

Hà Nội - Mùa thu, năm 2001
GS. CHƯƠNG THẬU
(Viện Sử học Việt Nam)